

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tiền thân là Công ty Công Nghiệp Thủy Sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy Sản. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2008 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 33.000.000.000 VND và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 33.000.000.000 VND lên 42.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ : 42.000.000.000 VND**

Danh sách cổ đông góp vốn theo giấy chứng nhận kinh doanh:

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1.	Đại diện vốn Nhà Nước: Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông – Nguyễn Hữu Lộc	1.947.000	19.470.000.000	46,36
2.	Công ty Cổ Phần Biển Tây	352.194	3.521.940.000	8,39
3.	Bùi Thị Nga	55.000	550.000.000	1,31
4.	Bùi Thị Tuyết Mai	55.000	550.000.000	1,31
5.	Nguyễn Văn Sinh	65.535	655.350.000	1,56
6.	Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	53.250	532.500.000	1,27
7.	Và 124 cổ đông khác	1.672.021	16.720.210.000	39,8
	Tổng cộng	4.200.000	42.000.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-08) 3 8 222 709
Fax : (84-08) 3 8 223 142
Mã số thuế : **0 3 0 2 1 6 6 0 3 3**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Hoạt động chính của Công ty:
 - Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản, đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm từ composite;
 - Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm;
 - Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, thủy sản, hàng may mặc;
 - Cung ứng vật tư;
 - Công nghiệp thực phẩm, sản xuất nước đá;
 - Kinh doanh dịch vụ cầu cảng;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh thủy sản và vận tải (thủy và bộ);
 - Dịch vụ cưa xẻ, chế biến gỗ;
 - Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
 - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
 - Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao, hàng nông sản;
 - Kinh doanh kho hàng, bến bãi. (Doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của pháp luật và không chế biến thực phẩm tươi sống, chế biến gỗ tại các khu dân cư tập trung thuộc Tp Hồ Chí Minh);
 - Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
 - Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
 - Lắp ráp, sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Sản xuất, bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
 - Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 24).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Công văn số 09-TB/HSBĐ-TCHC, ngày 13 tháng 01 năm 2011, Công ty có thay đổi người đại diện vốn Nhà nước là bà Bùi Thị Tuyết Mai.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nga	Ủy viên
Bà Bùi Thị Tuyết Mai	Ủy viên
Ông Trần Vũ Dũng	Ủy viên
Ông Trương Tùng Hưng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Bãi nhiệm</i>
Bà Bùi Thị Tuyết Mai	Tổng Giám đốc	02/05/2009	
Ông Nguyễn Bảy	Phó Tổng Giám đốc	02/05/2009	
Ông Trương Tùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	02/05/2009	
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Kế toán trưởng	02/05/2009	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



BÙI THỊ TUYẾT MAI – Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011

Số: 0133/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2011, từ trang 08 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như không có điều kiện áp dụng các phương pháp thay thế khác. Vì vậy, Chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định số lượng tiền mặt tồn quỹ, số lượng và tình trạng hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.

Ý kiến của kiểm toán

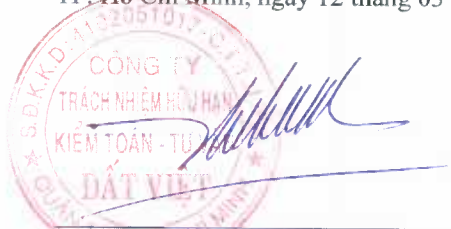
Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên (nếu có) và ngoại trừ việc Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh chi phí khấu hao lũy kế của khu đất Long Điền số tiền: 106.610.187 VND ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này rằng: trong năm, Công ty đã tiến hành trích khấu hao đối với hạ tầng cơ sở diện tích 13.127 m² tại cảng Biển Đông với nguyên giá đang ghi nhận trên sổ sách là: 3.227.814.062 VND theo thời gian còn lại là 11 năm. Hạ tầng cơ sở này các năm trước Công ty chưa trích khấu hao, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến về vấn đề này trong báo cáo kiểm toán các năm trước.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo.)

Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan sẽ có sự đánh giá khác nhau về vấn đề trên trong báo cáo tài chính này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Thị Minh Anh.

NGUYỄN THỊ MINH ANH- Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1492/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

03/03/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.421.817.360	209.573.507.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	16.057.660.202	4.653.517.835
Tiền	111		16.057.660.202	4.653.517.835
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		130.360.028.118	173.543.153.543
1. Phải thu khách hàng	131		128.083.997.592	171.418.669.517
2. Trả trước cho người bán	132		163.050.000	374.428.442
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.2	2.112.980.526	1.750.055.584
IV. Hàng tồn kho	140		16.672.854.678	31.124.123.239
Hàng tồn kho	141	VI.3	16.672.854.678	31.124.123.239
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		331.274.362	252.712.905
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		103.751.862	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.4	227.522.500	252.712.905
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.241.720.607	37.927.569.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000	9.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		9.000.000	9.000.000
II. Tài sản cố định	220		27.384.589.659	28.064.384.404
Tài sản cố định hữu hình	221	VI.5	27.384.589.659	28.064.384.404
- Nguyên giá	222		51.744.928.073	49.356.798.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.360.338.414)	(21.292.413.802)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.801.833.320	9.041.200.000
Đầu tư dài hạn khác	258	VI.6	12.801.833.320	9.041.200.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.046.297.628	812.984.688
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	1.046.297.628	812.984.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204.663.537.967	247.501.076.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.460.486.602	199.770.538.078
I. Nợ ngắn hạn	310		138.046.595.767	188.355.524.322
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.8	95.627.000.000	127.139.516.400
2. Phải trả cho người bán	312		18.911.155.985	24.932.004.313
3. Người mua trả tiền trước	313		5.019.780.461	2.983.710.979
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.9	2.067.541.560	2.968.109.865
5. Chi phí phải trả	316	VI.10	81.943.076	1.877.719.229
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.11	15.642.854.901	28.378.455.281
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.12	696.319.784	76.008.255
II. Nợ dài hạn	330		11.413.890.835	11.415.013.756
1. Phải trả dài hạn khác	333		35.500.000	35.500.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.13	11.297.000.000	11.297.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.390.835	82.513.756
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.203.051.365	47.730.538.536
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	55.203.051.365	47.730.538.536
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.738.395	373.707.708
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.529.353.953	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.618.495.694	598.926.392
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.847.053.323	5.551.494.436
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		204.663.537.967	247.501.076.614

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
USD		6.254,73	13.132,15
EUR		237,35	237,11

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011



BUI THI TUYET MAI
Tổng Giám đốc

HUYNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		324.902.762.458	384.140.361.277
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	324.902.762.458	384.140.361.277
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	292.425.802.396	354.166.893.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.476.960.062	29.973.467.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2.380.688.040	1.074.182.384
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	18.908.497.690	12.386.793.537
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.403.497.690	11.952.344.072
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	4.960.180.466	1.579.560.542
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	3.097.092.394	7.286.852.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.891.877.552	9.794.443.360
11. Thu nhập khác	31	VII.7	5.029.919.808	2.721.501.292
12. Chi phí khác	32	VII.8	165.821.524	358.627.912
13. Lợi nhuận khác	40		4.864.098.284	2.362.873.380
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		12.755.975.836	12.157.316.740
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	2.611.609.671	1.961.623.720
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		10.144.366.165	10.195.693.020
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.496	3.219

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011



BÙI THỊ TUYẾT MAI

Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

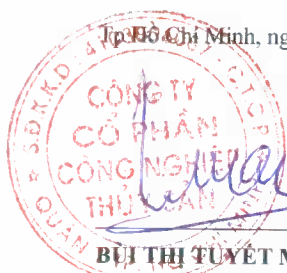
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		386.257.018.144	349.724.531.224
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(284.726.513.864)	(353.132.378.322)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.924.534.478)	(7.635.814.209)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(18.402.831.888)	(11.733.344.072)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.956.368.868)	(2.695.168.818)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		29.511.580.344	39.606.170.483
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.846.020.636)	(48.299.797.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.912.328.754	(34.165.800.714)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.569.858.430)	(1.052.399.289)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		138.080.190	50.928.472
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.660.633.320)	(490.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.666.200.886	1.065.139.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.426.210.674)	(426.331.783)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	9.000.000.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		248.386.896.000	310.599.042.800
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(280.169.992.800)	(276.242.334.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.306.986.000)	(7.921.646.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.090.082.800)	35.435.062.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.396.035.280	842.930.303
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.653.517.835	3.796.444.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.107.087	14.143.177
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	16.057.660.202	4.653.517.835

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011



BUI THI TUYẾT MAI
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐĂNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản, đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm từ composite; Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm; Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyên và các sản phẩm từ composite, thủy sản, hàng may mặc; Cung ứng vật tư; Công nghiệp thực phẩm, sản xuất nước đá; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng; Khai thác, chế biến, kinh doanh thủy sản và vận tải (thủy và bộ); Dịch vụ cura xẻ, chế biến gỗ; Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể thao, hàng nông sản; Kinh doanh kho hàng, bến bãi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ tư của Công ty kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư các tài khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo:	ngày 31/12/2009	17.941 VND/USD
		25.764 VND/EUR
	ngày 31/12/2010	18.932 VND/USD
		27.230 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền theo tháng

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp trong năm hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính

Năm 2010 Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty:

- Quỹ dự phòng tài chính được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN(5%).
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN (5%) để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	215.015.043	60.323.528
+ Tiền mặt tại VND	215.015.043	60.323.528
(b) Tiền gửi ngân hàng	6.842.645.159	4.593.194.307
+ VND	6.717.767.569	4.351.445.619
+ USD quy đổi	118.414.549	235.639.786
+ EUR quy đổi	6.463.041	6.108.902
(c) Tương đương tiền	9.000.000.000	-
Cộng	<u>16.057.660.202</u>	<u>4.653.517.835</u>
 2. Các khoản phải thu khác		
+ Phải thu về cổ phần hóa	127.884.649	127.884.649
+ Phải thu khác	1.985.095.877	1.622.170.935
Cộng	<u>2.112.980.526</u>	<u>1.750.055.584</u>
 3. Hàng tồn kho		
+ Nguyên liệu, vật liệu	985.331.530	888.489.582
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.421.864.906	5.883.840.500
+ Thành phẩm	12.990.018	15.368.793
+ Hàng hóa	11.252.668.224	24.336.424.364
Cộng	<u>16.672.854.678</u>	<u>31.124.123.239</u>
 4. Tài sản ngắn hạn khác		
+ Tạm ứng	227.522.500	247.712.905
+ Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	5.000.000
Cộng	<u>227.522.500</u>	<u>252.712.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	43.152.082.012	2.333.713.685	3.595.437.725	275.564.784	49.356.798.206
2. Tăng trong năm	-	501.974.754	2.217.469.818	-	2.719.444.572
<i>Do mua sắm</i>	-	501.974.754	2.217.469.818	-	2.719.444.572
3. Giảm trong năm	-	42.093.373	207.120.286	82.101.046	331.314.705
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	42.093.373	207.120.286	82.101.046	331.314.705
4. Số cuối năm	43.152.082.012	2.793.595.066	5.605.787.257	193.463.738	51.744.928.073
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	17.979.635.945	1.596.368.832	1.542.852.854	173.556.171	21.292.413.802
2. Tăng trong năm	2.250.807.166	344.524.801	658.105.173	7.721.987	3.261.159.127
<i>Trích khấu hao</i>	2.250.807.166	344.524.801	658.105.173	7.721.987	3.261.159.127
3. Giảm trong năm	-	42.093.373	69.040.096	82.101.046	193.234.515
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	42.093.373	69.040.096	82.101.046	193.234.515
4. Số cuối năm	20.230.443.111	1.898.800.260	2.131.917.931	99.177.112	24.360.338.414
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	25.172.446.067	737.344.853	2.052.584.871	102.008.613	28.064.384.404
4. Số cuối năm	22.921.638.901	894.794.806	3.473.869.326	94.286.626	27.384.589.659

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.308.704.233 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2.261.710.691 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: Không.

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không.

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không.

6. Đầu tư dài hạn khác

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Cổ phiếu				
+ Công ty CP Aquafeed Cửu Long	4.200.000.000	3.003.840.000	-	7.203.840.000
+ Công ty CP Biển Tây	4.190.000.000	645.000.000	-	4.835.000.000
+ Công ty Công trình Giao Thông 61	201.200.000	66.793.320	-	267.993.320
+ Công ty Thiết bị Máy Động Lực	400.000.000	45.000.000	-	445.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	-	-	50.000.000
Cộng	9.041.200.000	3.760.633.320	-	12.801.833.320

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết các loại Cổ phiếu như sau:

Cổ phiếu	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Công ty CP Aquafeed Cửu Long	720.384	7.203.840.000	420.000	4.200.000.000
Công ty CP Biển Tây	483.500	4.835.000.000	419.000	4.190.000.000
Công ty Công trình Giao Thông 61	26.666	267.993.320	20.000	201.200.000
Công ty Thiết bị Máy Động Lực	490	445.000.000	400	400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
+ Công cụ, dụng cụ	812.984.688	581.498.582	325.646.097	22.539.545	1.046.297.628
Cộng	812.984.688	581.498.582	325.646.097	22.539.545	1.046.297.628

8. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Ngân hàng Công Thương - CN 1	31.827.000.000	13.985.000.000
+ VND	31.827.000.000	13.985.000.000
+ Ngân hàng NN và PT Nông Thôn	63.800.000.000	113.154.516.400
+ VND	63.800.000.000	99.871.000.000
+ USD quy đổi VND	-	13.283.516.400
Cộng	95.627.000.000	127.139.516.400

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

+ Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.585.921	649.871.401
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	72.258.711	-
+ Thuế xuất nhập khẩu	34.408.910	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.563.215.142	1.894.851.865
+ Thuế nhà đất	300.000.000	400.000.000
+ Thuế thu nhập cá nhân	84.072.876	23.386.599
Cộng	2.067.541.560	2.968.109.865

10. Chi phí phải trả

+ Chi phí sửa chữa xà lang	2.000.000	-
+ Chi phí bảo hành đóng sửa tàu thuyền	79.943.076	1.398.084.373
+ Chi phí tiền lương	-	76.000.000
+ Chi phí vật tư	-	332.516.667
+ Chi phí gia công	-	71.118.189
Cộng	81.943.076	1.877.719.229

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Kinh phí công đoàn	82.580.713	88.850.249
+ Bảo hiểm xã hội	1.516.188	-
+ Phải trả về cổ phần hóa	1.228.000.000	3.018.121.278
+ Nhận ký quỹ ký cược	210.380.000	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp	<u>14.120.378.000</u>	<u>25.271.483.754</u>
Cộng	<u>15.642.854.901</u>	<u>28.378.455.281</u>

12. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	76.008.255	1.019.569.302	399.257.773	696.319.784
Cộng	<u>76.008.255</u>	<u>1.019.569.302</u>	<u>399.257.773</u>	<u>696.319.784</u>

13. Vay và nợ dài hạn

+ Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông	<u>11.297.000.000</u>	<u>11.297.000.000</u>
Cộng	<u>11.297.000.000</u>	<u>11.297.000.000</u>

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	33.000.000.000	289.410.000	(1.353.000.000)	-	-	217.136.248	7.635.802.880	39.789.349.128
Tăng vốn trong năm trước	9.000.000.000	-	-	-	-	-	-	9.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.195.693.020	10.195.693.020
Tăng khác	-	270.000.000	-	373.707.708	-	-	61.565.375	705.273.083
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	373.707.708	-	598.926.392	5.551.494.436	47.730.538.536
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.144.366.165	10.144.366.165
Tăng khác	-	-	-	11.331.729	-	-	-	11.331.729
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(383.301.042)	1.529.353.953	1.019.569.302	(4.848.807.278)	(2.683.185.065)
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	1.738.395	1.529.353.953	1.618.495.694	10.847.053.323	55.203.051.365

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Vốn góp của Nhà nước	19.470.000.000	19.470.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	22.530.000.000	22.530.000.000
+ Thặng dư vốn cổ phần	559.410.000	559.410.000
Cộng	<u>42.559.410.000</u>	<u>42.559.410.000</u>

Cổ tức

Cổ tức năm 2009 được chia căn cứ theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 94/NQ-HĐCĐ – CNTS của Công ty ngày 28-04-2010.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	135.300	135.300
+ Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Lợi nhuận chưa phân phối

+ Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm		5.551.494.436
+ Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong năm	10.144.366.165	
+ Lợi nhuận phân phối trong năm (*)	4.848.807.278	
+ Chia cổ tức đợt 3 năm 2009	1.265.880.000	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	1.529.353.953	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.019.569.302	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.019.569.302	
+ Nộp phạt theo biên bản kiểm tra thuế 116	14.434.721	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau	<u>10.847.053.323</u>	

(*) Lợi nhuận được phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 94/NQ-ĐHCĐ-CNTS ngày 28 tháng 04 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các quỹ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	1.529.353.953	-
+ Quỹ dự phòng tài chính	1.618.495.694	598.926.392
Cộng	<u>3.147.849.647</u>	<u>598.926.392</u>

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ Công ty (Xem thuyết minh số V.11).

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Tổng doanh thu	324.902.762.458	384.140.361.277
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	285.129.793.696	322.708.942.988
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	12.498.669.922	16.041.359.352
+ <i>Doanh thu đóng sửa tàu thuyền</i>	27.265.599.840	45.390.058.937
+ <i>Doanh thu khác</i>	8.699.000	-
+ Khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>324.902.762.458</u>	<u>384.140.361.277</u>

2. Giá vốn hàng bán

+ Giá vốn hàng hóa	264.921.900.876	307.475.494.446
+ Giá vốn dịch vụ	8.347.953.702	10.221.306.029
+ Giá vốn thành phẩm	19.155.947.818	36.470.093.018
Cộng	<u>292.425.802.396</u>	<u>354.166.893.493</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.460.886	117.100.696
+ Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư	2.314.537.154	948.038.338
+ Chênh lệch tỷ giá thanh toán	-	7.965.000
+ Doanh thu tài chính khác	690.000	1.078.350
Cộng	<u>2.380.688.040</u>	<u>1.074.182.384</u>

4. Chi phí tài chính

+ Chi phí lãi vay	18.403.497.690	11.952.344.072
+ Chênh lệch tỷ giá thanh toán	505.000.000	434.449.465
Cộng	<u>18.908.497.690</u>	<u>12.386.793.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	3.519.246.214	307.210.000
- Chi phí dụng cụ văn phòng	115.971.039	33.756.995
- Chi phí khấu hao	62.340.000	62.340.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.768.306	128.275.756
- Chi phí bằng tiền khác	876.854.907	1.047.977.791
Cộng	4.960.180.466	1.579.560.542

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên	1.829.469.760	4.468.698.148
- Chi phí dụng cụ văn phòng	81.486.461	69.583.816
- Chi phí khấu hao	119.742.924	164.419.797
- Thuế, phí, lệ phí	5.040.000	12.263.662
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.588.059	110.896.406
- Chi phí bằng tiền khác	894.765.190	2.460.990.900
Cộng	3.097.092.394	7.286.852.729

7. Thu nhập khác

- Thanh lý tài sản	161.131.099	50.958.173
- Thu nhập khác	4.868.788.709	2.670.543.119
Cộng	5.029.919.808	2.721.501.292

8. Chi phí khác

- Thanh lý tài sản	138.080.190	8.663.274
- Thanh lý công cụ dụng cụ	22.539.545	3.869.400
- Chi phí khác	5.201.789	346.095.238
Cộng	165.821.524	358.627.912

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng lợi nhuận trước thuế	12.755.975.836	12.157.316.740
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	5.000.000	-
+ Phạt vì phạm hành chính	5.000.000	-
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	2.314.537.154	948.038.338
+ Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư	2.314.537.154	948.038.338
- Tổng thu nhập chịu thuế	10.446.438.682	11.209.278.402
- Thuế suất	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.611.609.671	2.802.319.600
- Chi phí thuế TNDN được giảm	-	840.695.880
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	2.611.609.671	1.961.623.720
Lợi nhuận sau thuế	10.144.366.165	10.195.693.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

2. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

a) Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông	Đại diện vốn Nhà nước	Vay tiền trong năm	2.000.000.000

b) Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị phải thu (phải trả)
Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông	Đại diện vốn Nhà nước	Phải trả tiền vay	(16.840.000.000)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	79,85	84,68
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	20,15	15,32
<i>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	73,03	80,72
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	26,97	19,28
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,09	1,05
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,48	1,31
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,06	0,95
3. Tỷ suất sinh lời			
<i>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,93	3,16

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Năm nay	Năm trước
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,12	2,65
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,23	4,91
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,96	4,12

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011



BÙI THỊ TUYẾT MAI
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng